

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-PT  
Ngày: 24-02-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Văn Uẩn

*Các Thẩm phán:* Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:***

Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 544/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2020/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 583/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Hồ Thị T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:***

1. Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1965;

2. Bà Đặng Thị A, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Thanh H, sinh năm 1984;

2. Bà Lâm Thị Ngọc D, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã Kiến T, tỉnh Long An.

**- Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D.

*(Ông T, bà D vắng mặt;*

*bà T, ông K, bà A, ông H có mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn trình bày: Vào ngày 24/6/2020 vợ chồng ông Phan Ngọc T và bà Đặng Thị A có vay của bà T số tiền 600.000.000đ thời hạn vay là 01 tháng nhưng đến nay chưa trả. Trong quá trình thỏa thuận vay tiền có ông H, bà D cùng ký tên bảo lãnh cho ông T, bà A nên nay bà T yêu cầu ông T, bà A cùng với ông H, bà D phải liên đới hoàn trả cho bà T số tiền gốc là 600.000.000đ cùng với lãi là 12.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 612.000.000đ.

Bị đơn trình bày: Ông T và bà A thừa nhận còn nợ bà T số tiền gốc là 600.000.000đ theo như biên nhận nợ ngày 24/6/2020 đến nay trả. Ông T, bà A đồng ý trả số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của bà T nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chưa trả được. Đối với ông H, bà D tuy có ký biên nhận vay tiền cùng với ông T, bà A nhưng không có nhận tiền nên không đồng ý liên đới trả nợ cùng với ông T, bà A.

Vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DS-ST ngày 22/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 280, 288 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A và ông Phan Thanh H, bà Lâm Thị Ngọc D về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A và ông Phan Thanh H, bà Lâm Thị Ngọc D phải liên đới trả cho bà Hồ Thị T số tiền gốc là 600.000.000đ (sáu trăm

triệu đồng) và tiền lãi là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); Tổng cộng gốc và lãi là 612.000.000đ (sáu trăm mười hai triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A và ông Phan Thanh H, bà Lâm Thị Ngọc D phải liên đới chịu 28.480.000đ (hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 30/9/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D nộp đơn kháng cáo không đồng ý liên đới với bị đơn trả nợ cho nguyên đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu:*

- Về thủ tục: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng qui định về thủ tục tố tụng. Kháng cáo của ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D trong hạn luật định, đúng thủ tục, Tòa án thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là có căn cứ.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bà Lâm Thị Ngọc D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xem như từ bỏ việc kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà D theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh H: Xét biên nhận nợ ngày 24/6/2020 cho thấy ngoài ông T, bà A ký nhận nợ vay còn có ông H, bà D ký nhận nợ và bảo lãnh trả nợ. Do đó, việc cấp sơ thẩm buộc ông H, bà D có nghĩa vụ liên đới với ông T, bà A trả nợ cho bà T là đúng theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D được thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Lâm Thị Ngọc D là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên xem như từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà D theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Phan Ngọc T là người không kháng

cáo nhưng có liên quan đến việc kháng cáo đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T: Bà T khởi kiện ông T, bà A yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 600.000.000đ cùng với lãi là 12.000.000đ theo như biên nhận vay ngày 24/6/2020, đồng thời còn yêu cầu ông H và bà D phải liên đới cùng với ông T, bà A trả cho bà T số tiền nêu trên vì ông H và bà D là người ký tên bảo lãnh khoản nợ trên trong giấy nhận nợ.

[4] Nội dung biên nhận nợ: Tại biên nhận nợ đề ngày 24/6/2020 thể hiện nội dung: “Tôi Đặng Thị A có mượn của cô Út Thêm số tiền là 600.000.000đ sáu trăm triệu đồng 1 tháng trả, bạc 2 phân một tháng”. Phía dưới có chữ ký của Đặng Thị A, Phan Ngọc T, Lâm Thị Ngọc D, Phan Thanh H. Ông H còn ghi: “Tôi tên Phan Thanh H lãnh trả số tiền trên 600.000.000đ sáu trăm triệu”.

[5] Lời ghi của ông H nêu trên thể hiện đây là sự bảo lãnh của ông H (vợ chồng ông H, bà D) đối với số nợ mà bà A, ông T đã vay của bà T. Việc bảo lãnh đã được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Tại Điều 335 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. 2. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh trong trường hợp bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”. Tại Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định: “1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó. 2. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại”.

[7] Bà T khởi kiện ông T, bà A yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 600.000.000đ cùng với lãi là 12.000.000đ, đồng thời còn yêu cầu ông H và bà D phải liên đới cùng với ông T, bà A trả cho bà T số tiền nêu trên vì ông H và bà D là người ký tên bảo lãnh khoản nợ trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc ông T, bà A, ông H, bà D có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T là đúng theo quy định tại Điều 288, 335, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên về phần áp dụng pháp luật, cấp sơ thẩm chưa ghi áp dụng Điều 335, 342 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có thiếu sót cần bổ sung thêm cho đầy đủ, việc bổ sung này không làm thay đổi bản chất và đường lối xét xử của vụ án.

[8] Về yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D không đồng ý liên đới cùng ông Phan Ngọc T và bà Đặng Thị A trả nợ cho bà T nhưng không được phía bà T chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông H và bà D.

[9] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[10] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Thị Ngọc D.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thanh H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DS-ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 280, 288 463, 466, 468, 335 và Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và Gia đình,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T đối với ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A và ông Phan Thanh H, bà Lâm Thị Ngọc D về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A và ông Phan Thanh H, bà Lâm Thị Ngọc D phải liên đới trả cho bà Hồ Thị T số tiền gốc là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); tổng cộng gốc và lãi là 612.000.000đ (sáu trăm mười hai triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Ngọc T, bà Đặng Thị A và ông Phan Thanh H, bà Lâm Thị Ngọc D phải liên đới chịu 28.480.000đ (hai mươi tám

*triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

#### 4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D mỗi người phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí phúc thẩm, tổng cộng 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0009372 ngày 30/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường.

Ông Phan Thanh H và bà Lâm Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Văn Uẩn**